

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

TT	Tiêu chuẩn chấm điểm	Mức điểm tối đa	Mức độ đáp ứng (thang điểm chi tiết)	Mức điểm tối thiểu
I	Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu Xây dựng công trình	22		15,4
I.1	Đối với các vật tư, vật liệu chính (Đá ốp lát KT 400x400 , Đất sét, cát mịn, cát vàng, đá 1x2, đá 2x4; đá 4x6 gạch Ceramic 600x600; gạch ốp tường Ceramic 200x600): +Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp (kèm theo bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp có chức năng bán buôn vật liệu xây dựng).	4	-Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc, nêu đầy đủ tại mục I.1. (đạt 90-100% thang điểm 4 điểm): -Thiếu một trong các vật tư trên sẽ trừ điểm Mỗi vật tư trừ 0,25 điểm	
I.2	Đối với các vật tư, vật liệu chính (Đá ốp lát KT 400x400 , Đất sét, cát mịn, cát vàng, đá 1x2, đá 2x4; đá 4x6 gạch Ceramic 600x600; gạch ốp tường Ceramic 200x600): +Nêu đầy đủ chủng loại theo bảng danh mục và nêu đầy đủ rõ ràng xuất xứ, tên nhà sản xuất hoặc nhãn hiệu, định danh không làm lẫn với nhà sản xuất khác.	4	-Nêu đầy đủ danh mục vật tư, tại mục I.2. (đạt 90-100% thang điểm 4 điểm): -Thiếu một trong các vật tư trên sẽ trừ điểm Mỗi vật tư trừ 0,25 điểm	
I.3	Đối với các vật tư, vật liệu chính (Gạch xi măng 22x10,5x6,5; Sơn , que	7	-Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc, nêu đầy đủ, đúng	

TT	Tiêu chuẩn chấm điểm	Mức điểm tối đa	Mức độ đáp ứng (thang điểm chi tiết)	Mức điểm tối thiểu
	<p>hàn, thép D6-10; D12-18; Tôn lợp mạ kẽm AD11, dày 0,45mm – Austnam; xi măng trắng, xi măng đen, Sơn ngoại thất, nội thất):</p> <p>+Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp (kèm theo bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp có chức năng bán buôn vật liệu Giao thông).</p>		<p>tại mục I.3. (đạt 90-100% thang điểm 7 điểm):</p> <p>-Thiếu một trong các vật tư trên sẽ trừ điểm</p> <p>Mỗi vật tư trừ 0,25 điểm</p>	
I.4	<p>Đối với các vật tư, vật liệu chính (Gạch xi măng 22x10,5x6,5; Sơn , que hàn, thép D6-10; D12-18);</p> <p>Tôn lợp mạ kẽm AD11, dày 0,45mm – Austnam; xi măng trắng, xi măng đen, Sơn ngoại thất, nội thất):</p> <p>+Nêu đầy đủ chủng loại theo bảng danh mục và nêu đầy đủ rõ ràng xuất xứ, tên nhà sản xuất hoặc nhãn hiệu, định danh không làm lẫn với nhà sản xuất khác.</p>	7	<p>-Nêu đầy đủ danh mục vật tư, tại mục I.4. (đạt 90-100% thang điểm 7 điểm):</p> <p>-Thiếu một trong các vật tư trên sẽ trừ điểm</p> <p>Mỗi vật tư trừ 0,25 điểm</p>	
II	Các giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công cho các công tác, hạng mục chủ yếu (nêu tổng quát và chi tiết)	38		26,6
II.1	-Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí, biển báo,	10	- Có thuyết minh và bản vẽ trình bày giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình	

TT	Tiêu chuẩn chấm điểm	Mức điểm tối đa	Mức độ đáp ứng (thang điểm chi tiết)	Mức điểm tối thiểu
	<p>cấp nước, thoát nước, giao thông trong quá trình thi công,</p> <p>-Chú ý khi thi công kỳ đài, có chiều cao lớn, độc lập và biện pháp bảo đảm an toàn;</p> <p>+Biện pháp định vị mặt bằng và trắc đạc trong quá trình thi công:</p> <p>.</p>		<p>xây dựng đáp ứng yêu cầu tại mục II.1 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 10:</p> <p>-Có bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường và có thuyết minh giải pháp kỹ thuật; hoặc có bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường và thuyết minh giải pháp kỹ thuật nhưng không đầy đủ, không chi tiết, không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng thì đạt 60-80% thang điểm;</p> <p>-Không trình bày hoặc trình bày không hợp lý (đạt 0%): 0 điểm</p>	
II.2	<p>Giải pháp che chắn chống bụi phát tán, chống ồn khu vực xung quanh;</p> <p>-Không làm ảnh hưởng tới đời sống sinh hoạt của các hộ dân xung quanh.</p>	3	<p>-Có thuyết minh và bản vẽ trình bày giải pháp kỹ thuật hợp lý phù hợp với điều kiện biện pháp thi công tại mục II.2 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 3:</p> <p>-Có thuyết minh, có bản vẽ, trình bày giải pháp kỹ thuật chưa lý chưa phù hợp đạt 60%-80% thang điểm</p> <p>-Không trình bày hoặc trình bày không hợp lý (đạt 0%): 0 điểm</p>	
II.3	<p>+Biện pháp thi công chi tiết các hạng mục chính của gói thầu (Kỳ đài, Nhà bia , Nhà quản trang, Khu hóa vàng);</p>	5	<p>+ Có bản vẽ hạng mục chính, thuyết minh đầy đủ, khả thi đáp ứng yêu cầu tại mục II.3 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 5:</p> <p>+ Không bản vẽ, thuyết minh không đầy đủ, thì đạt 60% - 80% thang điểm;</p> <p>-Không trình bày hoặc trình bày không hợp lý (đạt 0%): 0 điểm</p>	

TT	Tiêu chuẩn chấm điểm	Mức điểm tối đa	Mức độ đáp ứng (thang điểm chi tiết)	Mức điểm tối thiểu
II.4	<p>Biện pháp thu gom vận chuyển đồ phế thải. +Xác định vị trí, cự ly vận chuyển bãi đổ thải;</p>	4	<p>+ Có đầy đủ giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu tại mục II.4 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 4: +Biện pháp thu gom vận chuyển đồ phế thải không hợp lý, không đầy đủ đạt 60-80% thang điểm; -Không trình bày hoặc trình bày chưa hợp lý , chưa đủ (đạt 0%): 0 điểm</p>	
II.5	<p>- Biện pháp thi công chi tiết các hạng mục: Tường rào Công; Sân, bồn hoa, cây xanh: Hệ thống thoát nước; Cột cờ; - Nêu được quá trình khảo sát, sự ảnh hưởng đến các công trình khác, có kế hoạch và biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình thi công. Nêu chi tiết phương án, giải pháp, trình tự thực hiện, biện pháp che chắn trong quá trình thi công đảm bảo không ảnh hưởng đến các công trình hiện hữu xung quanh. Không ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của các hộ dân chung quanh khu vực thi công;</p>	8	<p>-Có giải pháp kỹ thuật thi công chi tiết hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng cho các hạng mục tại mục II.5 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 8: - Giải pháp kỹ thuật thi công chi tiết chưa hợp lý, chưa thật phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng cho các hạng mục bên của gói thầu đạt 60% - 80% thang điểm; - Không giải pháp kỹ thuật thi công chi tiết, hoặc làm nhưng không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng cho các hạng mục bên của gói thầu đạt 0% (0 điểm);</p>	
II.6	<p>Biện pháp thi công các hạng mục: Hệ</p>	8	<p>-Có biện pháp thi công các hạng mục: Hệ thống chiếu</p>	

TT	Tiêu chuẩn chấm điểm	Mức điểm tối đa	Mức độ đáp ứng (thang điểm chi tiết)	Mức điểm tối thiểu
	<p>thống cấp điện chiếu sáng, chống sét;</p> <p>-Lập bảng thống kê vật tư đầu vào toàn bộ công trình để kiểm soát chất lượng, bảo đảm đưa vào công trình đúng số lượng, chất lượng, an toàn trong sử dụng.</p> <p>- Nêu được quá trình khảo sát, sự ảnh hưởng đến các công trình khác, có kế hoạch và biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình thi công. Nêu chi tiết phương án, giải pháp, trình tự thực hiện, biện pháp che chắn trong quá trình thi công đảm bảo không ảnh hưởng đến các công trình hiện hữu xung quanh. Không ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của các hộ dân xung quanh;</p>		<p>sáng (Hệ thống cấp điện chiếu sáng, chống sét;); có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình Giao thông, cho các hạng mục tại mục II.6 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 8:</p> <p>-Giải pháp thi công các hạng mục: Hệ thống chiếu sáng (Hệ thống cấp điện chiếu sáng, chống sét;); chưa hợp lý giải pháp kỹ thuật thiếu sát thực, chưa hợp với điều kiện biện pháp thi công, cho các hạng mục bên của gói thầu đạt 60%-80% thang điểm;</p> <p>- Không giải pháp kỹ thuật thi công chi tiết, hoặc làm nhưng không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng cho các hạng mục bên của gói thầu đạt 0% (0 điểm);</p>	
III	Biện pháp, quy trình quản lý thi công, bảo đảm chất lượng (nêu tổng quát và chi tiết)	12		8,4
III.1	<p>Biện pháp bảo đảm chất lượng.</p> <p>+Nêu quy mô, tổng quát gói thầu, để có biện pháp bảo đảm chất lượng phù hợp cho từng hạng mục công việc của gói thầu gồm: đào đất, lấp đất, cốt thép, bê</p>	4	<p>+ Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu tại mục III.1 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 4.</p> <p>+ Biện pháp bảo đảm chất lượng chưa hợp lý, chưa đáp</p>	

TT	Tiêu chuẩn chấm điểm	Mức điểm tối đa	Mức độ đáp ứng (thang điểm chi tiết)	Mức điểm tối thiểu
	tông, xây tô trát, ốp, lát, sơn tường (nêu tổng quát);		<p>ứng yêu cầu, đạt 60%-80% thang điểm ;</p> <p>+ Không biện pháp bảo đảm chất lượng, hoặc làm không hợp lý, không đạt yêu cầu, đạt 0% (0 điểm)</p>	
III.2	<p>-Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công; Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão;</p> <p>-Biện pháp Sửa chữa hư hỏng và bảo hành công trình. Kiểm tra giám sát nghiệm thu nội bộ của nhà thầu thi công: Quản lý tài liệu hồ sơ của nhà thầu thi công.</p> <p>-Nêu chi tiết: Biện pháp Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công (đào đất, lấp đất, cốp pha, đào giáo, cốt thép, bê tông, xây tô trát, ốp, lát, sơn tường): Quy trình lập biện pháp thi công, kiểm tra, nghiệm thu;</p>	8	<p>+ Có biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, đáp ứng yêu cầu tại mục III.2 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 8.</p> <p>+ Biện pháp bảo đảm chất lượng chưa hợp lý, chưa đáp ứng yêu cầu, đạt 60%-80% thang điểm ;</p> <p>+ Không biện pháp bảo đảm chất lượng, hoặc làm không hợp lý, không đạt yêu cầu, đạt 0% (0 điểm)</p>	
IV	Biện pháp, phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động	8		5,6
IV.1	<p>Biện pháp phòng cháy, chữa cháy an toàn lao động hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> <p>a) Biện pháp đảm bảo an toàn công trình và các công trình lân cận.</p> <p>b) Biện pháp đảm bảo an toàn lao động tại công trình xây dựng.</p>	3	<p>+ Có thuyết minh về biện pháp phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động trong quá trình thực hiện công việc hợp lý, khả thi phù hợp với công việc thực hiện và đáp ứng các yêu cầu nêu tại mục IV.1 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 3;</p> <p>.+ Biện pháp bảo đảm PCCC chưa hợp lý, chưa đáp ứng</p>	

TT	Tiêu chuẩn chấm điểm	Mức điểm tối đa	Mức độ đáp ứng (thang điểm chi tiết)	Mức điểm tối thiểu
	c) Biện pháp đảm bảo an toàn thiết bị thi công.		yêu cầu, đạt 60%-80% thang điểm; + Không biện pháp bảo đảm PCCC hoặc làm không hợp lý, không đáp ứng yêu cầu, đạt 0%(0 điểm);	
IV.2	<p>Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bụi, khói. - Kiểm soát nước thải các loại. - Kiểm soát rác thải trên công trường. <p>-1. Người lao động phải được huấn luyện ATVSLĐ và cấp chứng nhận, thẻ an toàn lao động tại Điều 17 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 /10/2018 2018 và Điều 24 Nghị định 44/NĐ-2016 ngày 15/5/2016;</p> <p>2. Huấn luyện, sát hạch, xếp bậc và cấp thẻ An toàn điện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021.</p> <p>3. Phải cam kết có trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo Điều 23 khoản 3 luật an toàn vệ sinh lao động; Thông tư 04/TT-BLĐTBXH ngày 12/2/2014;</p> <p>-Có cam kết về việc</p>	5	<p>+ Có thuyết minh về biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện công việc hợp lý, khả thi phù hợp với công việc thực hiện và đáp ứng các yêu cầu nêu tại Chương V E-HSMT. Có cam kết về việc tuân thủ công tác vệ sinh môi trường theo luật bảo vệ môi trường tại mục IV.2 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 5;</p> <p>+ Thuyết minh về biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện công việc chưa hợp lý, chưa khả thi chưa phù hợp với công việc thực hiện và đáp ứng các yêu cầu nêu tại Chương V E-HSMT. Không cam kết về việc tuân thủ công tác vệ sinh môi trường theo luật bảo vệ môi trường và các tiêu chí bên thì đạt 60%-80% thang điểm;</p> <p>+ Không thuyết minh về biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện công việc không hợp lý, chưa khả thi chưa phù hợp với công việc thực hiện và đáp ứng các yêu cầu nêu tại Chương V E-HSMT. Không cam kết về việc tuân thủ công tác vệ sinh môi trường theo luật bảo vệ môi trường và các</p>	

TT	Tiêu chuẩn chấm điểm	Mức điểm tối đa	Mức độ đáp ứng (thang điểm chi tiết)	Mức điểm tối thiểu
	tuân thủ công tác vệ sinh môi trường theo luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật liên quan		tiêu chí bên thì đạt 0% (0 điểm);	
V	Tiến độ thi công (nêu tổng quát)	15		10,5
V.1	<p>Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 270 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công;</p> <p>+ Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 270 ngày có tính đến điều kiện thời tiết;</p> <p>+ Biểu tiến độ thi công chi tiết hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu Chương V E-HSMT. (ghi rõ trách nhiệm của từng bộ phận hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật)</p> <p>+ Biểu đồ cung cấp vật tư</p> <p>+ Biểu đồ nhân công</p>	8	<p>-Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 270 ngày (kể từ ngày khởi công) có tính điều kiện thời tiết, các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật và thời gian chờ đợi khác. Nêu và thể hiện đầy đủ các nội dung tại mục V.1 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 8;</p> <p>-Đề xuất thời gian thi công vượt quá 270 ngày, không tính điều kiện thời tiết, các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật và thời gian chờ đợi khác.... thì đạt 60%-80% thang điểm;</p> <p>-Không đề xuất thời gian thi công, không tính điều kiện thời tiết, các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật và thời gian chờ đợi khác.... thì đạt 0% (0 điểm);</p>	
V.2	<p>Tính phù hợp:</p> <p>a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công.</p> <p>b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công;</p>	5	<p>+ Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi tại mục V.2 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 5;</p> <p>+ Đề xuất chưa đầy đủ, hợp lý, chưa khả thi cho cả 2 nội</p>	

TT	Tiêu chuẩn chấm điểm	Mức điểm tối đa	Mức độ đáp ứng (thang điểm chi tiết)	Mức điểm tối thiểu
			<p>dung a) và b) thì đạt 60%-80% thang điểm; + Không đề xuất hoặc đề xuất chưa đầy đủ, không hợp lý, không khả thi cho cả 2 nội dung a) và b) thì đạt 0% (0 điểm)</p>	
V.3	<p>Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;</p>	2	<p>+ Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật tại mục V.3 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 2; + Có biểu tiến độ thi công hợp lý, hoặc có làm nhưng thiếu thuyết phục với đề xuất kỹ thuật thì đạt 60%-80% thang điểm; + Không biểu tiến độ thi công, hoặc có làm nhưng không thuyết phục với đề xuất kỹ thuật thì đạt 0%-(0 điểm);</p>	
VI	Bảo hành và uy tín của nhà thầu:	5		3,5
VI.1	<p>Thời gian bảo hành \geq 12 tháng tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao. Nhà thầu phải có thuyết minh biện pháp kiểm tra công trình thường xuyên, biện pháp tổ chức thực hiện bảo hành công trình khi phát hiện còn khiếm khuyết hoặc khi có yêu cầu của các đơn vị có liên quan về khiếm khuyết công trình trong quá trình bảo hành; Nhà thầu phải có đề xuất thời gian khắc phục (chậm nhất trong vòng 1 tuần kể từ ngày chủ đầu tư</p>	4	<p>-Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng; đồng thời có thuyết minh biện pháp sửa chữa hư hỏng trong thời gian bảo hành công trình; đáp ứng các yêu cầu tại mục VI.1 và Chương V, E-HSMT. Đạt 90%-100% thang điểm là 4; -Không đề xuất thời gian bảo hành, hoặc bảo hành ít hơn 12 tháng; đồng thời có thuyết minh biện pháp sửa chữa hư hỏng trong thời gian bảo hành công trình nhưng chưa thuyết phục; thì đạt 60%-80% thang điểm; -Không đề xuất thời gian bảo hành; đồng thời có thuyết minh biện pháp sửa chữa hư</p>	

TT	Tiêu chuẩn chấm điểm	Mức điểm tối đa	Mức độ đáp ứng (thang điểm chi tiết)	Mức điểm tối thiểu
	có yêu cầu sửa chữa); Nhà thầu phải có cam kết về thực hiện bảo hành công trình		hỏng trong thời gian bảo hành công trình nhưng không hợp lý; thì đạt 0% (0 điểm);	
VI.2	Uy tín của nhà thầu; Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 03 năm (2022, 2023, 2024) trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu	1	-Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu thì đạt 100% số điểm là 1. - Có 1 hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu thì đạt 60%-80% thang điểm - Có 2 hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu thì đạt 0% (0 điểm)	
	Tổng số điểm	100		70